

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIÊN HẢI
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 16 - 8 - 2023.

V/v tranh chấp xin ly hôn
và nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIÊN HẢI, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Tịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phùng Cẩm Loan

2. Ông Lê Việt Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Toàn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiên Hải.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 16 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 08/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2023, về việc “*Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 29 tháng 5 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Diệp S, sinh năm 1990 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp An C, xã An S, huyện Kiên Hải, Kiên Giang

- Bị đơn: Anh Nguyễn Tấn X, sinh năm 1987 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp An C, xã An S, huyện Kiên Hải, Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/02/2023, bản tự khai nguyên đơn chị Lê Diệp S trình bày: Trên cơ sở tự nguyện yêu thương nhau và được sự đồng ý của gia đình, chị S và anh X tiến tới chung sống vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại UBND xã An S, huyện Kiên Hải từ năm 2009. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng thời gian khoảng cuối năm 2016 chị S và anh X bắt đầu phát sinh

mâu thuẫn, đời sống chung không còn phù hợp do bất đồng quan điểm sống. Nay chị S xin được ly hôn với anh X.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị S và anh X có 02 con chung tên Nguyễn Sang Gi, sinh ngày 22/12/2008, giới tính nam và Nguyễn Giàu T, sinh ngày 03/01/2011, giới tính nam. Hiện cháu Gi và cháu T đều do chị S trực tiếp nuôi dưỡng, chị S có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Gi và cháu T đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh X cấp dưỡng chi phí nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho bị đơn anh Nguyễn Tấn X nhưng anh X đều vắng mặt.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Diệp S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Nguyên đơn chị Lê Diệp S khởi kiện tranh chấp xin ly hôn, nuôi con với anh Nguyễn Tấn X nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kiên Hải.

- Về sự vắng mặt của đương sự:

Bị đơn anh Nguyễn Tấn X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Lê Diệp S xin được ly hôn với anh Nguyễn Tấn X là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ giữa chị S và anh X đã có nhiều mâu thuẫn trong nhiều năm và hiện tại ông và bà đã sống ly thân nhiều năm nay, hai bên không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Từ đó nhận thấy tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Từ những cơ sở nhận định trên, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Lê Diệp S được ly hôn với anh Nguyễn Tấn X.

[2.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống chị S và Anh X có 02 con chung tên: Nguyễn Sang Gi, sinh ngày 22/12/2008, giới tính nam và Nguyễn Giàu T, sinh ngày 03/01/2011, giới tính nam. Chị S có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu Gi, cháu T đến tuổi trưởng thành, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu này là có cơ sở bởi lẽ hiện nay chị S đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Gi và cháu T, điều này phù hợp với nguyện vọng của cả 2 cháu là muốn được sống chung với mẹ khi Tòa án giải quyết cho cha mẹ ly hôn, việc này cũng đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các cháu. Chị S không yêu cầu anh X cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

[3] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc chị Lê Diệp S phải chịu án phí sơ thẩm xin ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Lê Diệp S được ly hôn với anh Nguyễn Tấn X.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Sang Gi, sinh ngày 22/12/2008, giới tính nam và Nguyễn Giàu T, sinh ngày 03/01/2011, giới tính nam cho chị S tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu Gi, cháu T đủ 18 tuổi, anh X không phải cấp dưỡng chi phí nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Lê Diệp S phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp

theo biên lai thu số 0007099 ngày 17/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang. Như vậy chị S đã nộp xong.

6. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Kiên Hải;
- Chi cục THADS huyện Kiên Hải;
- UBND xã An S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Văn Tịnh